

Câu 1. Điền vào chỗ chấm:

a) ng hay ngh:

bấpô, củê

b) uôn hay uông: (thêm dấu thanh thích hợp)

b..... bán l..... rau

Câu 2. Chọn tiếng phù hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ chấm.

a) Hàngxanh mát. (tre / che)

b) Hôm nay là ngàynhật của Nam. (sinh / xinh)

Câu 3 : Nói

Em rửa tay sạch

học môn Tiếng Việt.

Em rất thích

trước khi ăn.

Quả gấc

hót rất hay.

Con chim

chura chín.

Câu 4: Để chuẩn bị cho học kì hai, em cần làm gì?

Câu 5. Kể tên những đồ dùng học tập mà em có:

.....

.....

.....

.....

Câu 6. Chép đoạn văn:

Không khí trên đồng cỏ trong lành, mùi cỏ non thơm phảng phất. Những chú bê con vừa ăn vừa chạy nhảy tung tăng bên bò mẹ. Đôi lúc, chúng vui đùa như những em bé.

A large grid of graph paper. It consists of a main grid of squares, each 1cm on a side. Each of these squares is further divided into a 2x2 grid of smaller squares, each 5mm on a side. The lines for the 1cm grid are solid black, while the lines for the 5mm grid are dotted black. The grid is 20 squares wide and 10 squares high.

I. Đọc thầm bài:

Công bằng

Hoa nói với bố mẹ:

- Con yêu bố mẹ bằng từ đất lên trời!

Bố cười:

- Còn bố yêu con bằng từ đất lên trời và bằng từ trời trở về đất. Hoa không chịu:
- Con yêu bố mẹ nhiều hơn!

Mẹ lắc đầu:

- Chính mẹ mới là người yêu con và bố nhiều nhất!

Hoa rồi rít xua tay:

- Thế thì không công bằng! Vậy cả nhà mình ai cũng nhất, bố mẹ nhé!

Khoanh tròn vào đáp án trả lời đúng

Câu 1: Hoa nói với bố mẹ điều gì? (1 điểm)

- A. Hoa chỉ yêu mẹ B. Hoa yêu bố mẹ bằng từ đất lên trời C. Hoa yêu bố mẹ rất nhiều

Câu 2: *Bố nói gì với Hoa? (1 điểm)*

- A. Bố yêu Hoa rất nhiều
- B. Bố yêu Hoa bằng từ đất lên trời
- C. Bố yêu Hoa bằng từ đất lên trời và bằng từ trời trở về đất

Câu 3: Sau cuộc nói chuyện Hoa quyết định như thế nào để công bằng cho mọi người?

- A. Cả nhà mình ai cũng nhất B. Mẹ Hoa là nhất C. Bố của Hoa là nhất

Câu 4 : Em hãy viết 1 câu thể hiện tình cảm của mình đối với bố mẹ

[illegible]

ĐỀ 2

Độc bài: Bố làm thợ mộc

Tuần chăm chú ngắm nghía từng động tác của bố. Cái bào của bố lướt qua trên mặt tấm ván cứ y như tàu lướt trên mặt biển, mà đám vỏ bào đùn đùn lên cứ y như sóng biển cuộn trào.

Gỗ của bố thường chỉ là những cái thùng cũ, những mảnh ván thừa, nhiều khi lấm lem đất cát. Nhưng khi lưỡi bào, lưỡi đục của bố đã gọt hết lượt da ngoài xấu xí đi thì mặt gỗ nào hiện ra cũng đẹp.

Tuấn rất yêu cái mùi hương gỗ. Tối tối, Tuấn đi ngủ, hương gỗ như còn theo Tuấn vào trong cả giấc mơ.

(1) Em hãy khoanh vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

a. Bố của Tuấn làm nghề gì?

A.Thợ xây B.Thợ mộc

C.Thợ may

b. Gỗ của bố Tuấn thường là những gì?

A.Những thân cây to, chắc, mới tinh

B. Những mảnh gỗ vụn, nhỏ như ngón tay

C.Những cái thùng cũ, những mảnh ván thừa

c. Trong bài, có bao nhiêu tiếng có vần ưng?

A. 1 tiếng B. 2 tiếng

C. 3 tiếng

(2) Điền vào chỗ trống:

a. Trong bài đã xuất hiện những tiếng nào có vần ung?

b. Cuối bài, Tuấn nói rằng mình rất yêu mùi hương gì?

c. Tuấn thấy cái bào của bố lướt qua trên mặt tấm ván giống như cái gì?

(3) Em hãy viết 1 - 2 câu kể về công việc của bố em.

Gợi ý:- Bố em làm nghề gì?

- Công việc của bố em gồm những hoạt động gì?

.....

.....

.....

.....

Câu 1. Điền vào chỗ trống:

A full-page sheet of white graph paper featuring a uniform grid of small squares. The grid consists of 20 columns and 20 rows, creating a total of 400 squares. The lines are thin and light gray, typical of standard graph paper used for mathematics or design.

ĐỀ 3

Câu 1. Đọc bài sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Xiếc thú

Đi xem xiếc, bé thích nhất là tiết mục xiếc thú.

Thoạt đầu, cả đàn khỉ chạy ủa ra. Các chú kiểng chân, nghiêng mình chào khán giả rồi nhanh chóng bắt đầu đua xe đạp. Có chú lóng ngóng nên vấp ngã. Khán giả chưa kịp hô lên thì chú ta đã hấp tấp đứng dậy, khiêng luôn cả xe đạp mà chạy.

Sau đó là tiết mục xiếc chó làm toán. Chú siêng năng, thì được cô giáo khen cho quà. Chú biếng nhác, chẳng làm việc gì, bị cô giáo phê bình. Có chú nghiêng đầu, tỏ vẻ đang tính toán. Có chú còn liếc sang bên cạnh, trông như đang xem trộm bài.

(1) Khoanh vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

a. Khi đi xem xiếc, bé thích nhất là xem phần biểu diễn nào?

A. Xiếc thú

B. Nhào lộn

C. Tung hứng

b. Bé đã không xem tiết mục nào sao đây?

A. Khỉ đạp xe

B. Chó làm toán

C. Mèo nhào lộn

c. Những chú chó siêng năng làm toán sẽ nhận được điều gì?

A. Được cô giáo xoa đầu

B. Được cô giáo khen cho quà

C. Được cô giáo bế lên

(2) Trả lời câu hỏi:

a. Các chú khỉ đã biểu diễn tiết mục gì cho khán giả cùng xem?

b. Khi các chú chó biếng nhác thì cô giáo đã làm gì?

Câu 2. Chọn từ ngữ thích hợp thay vào chỗ chấm:

a) s hoặc x

.....ức mạnh

màuám

.....ợ hãi

b) g hoặc gh

gặp.....ỡ

chán.....ét

chiếc.....ế

Câu 3: Điền từ vào chỗ chấm: chúng em; xiếc thú:

Chủ nhật, bố dẫn Tú Anh đi xem.....ở thị xã.

Thầy Minh đang dạy.....cách viết chữ hoa cỡ nhỏ

Câu 4. Đọc thầm

Đẹp mà không đẹp

Thấy bác Thành đi qua, Hùng liền gọi:

- Bác Thành ơi, bác xem con ngựa của cháu vẽ có đẹp không?

Trên bức tường trắng hiện lên những nét than đen vẽ hình một chú ngựa đang leo núi.

Bác Thành nhìn vào bức vẽ rồi trả lời:

- Cháu vẽ đẹp đầy nhưng có cái không đẹp.

Hùng vội hỏi:

Cái nào không đẹp hả bác?

Bác Thành bảo:

- Cái không đẹp là bức tường của nhà trường đã bị vẽ bẩn cháu ạ.

(1) Em hãy khoanh vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng (chỉ chọn 1 đáp án):

a. Bạn Thành đã làm gì bức tường?

A. Vẽ lên bức tường

B. Lau chùi bức tường

C. Dán hình lên bức tường

b. Bạn Thành vẽ cái gì lên bức tường?

A. Chú ngựa

B. Chú hươu cao cổ

C. Chú sóc

c. Bạn Thành đã nhờ ai nhận xét bức tranh của mình?

A. Bác bảo vệ

B. Bác Hùng

C. Bác Tuấn

TOÁN: ĐỀ 1

Câu 1: Kết quả của phép tính: $10 - 3 - 5 =$

A. 1 b. 4 C. 2 D. 2

Câu 2: Điền dấu ở chỗ chấm là: $7 - 5 \dots 4 + 4$

A. + b. > C. < D. =

Câu 3: Kết quả của phép tính: $7 + 3 - 5 =$

A. 10 b. 7 C. 5 D. 4

Câu 4: Số thích hợp ở là: $5 + \dots = 9$

A. 3 b. 4 C. 2 D. 3

Câu 5: Điền dấu vào chỗ chấm : $4 \dots 6 = 10$

A + B - C <

Câu 6 : Điền >, <, =

$8 + 2 \dots 10$ $7 \dots 8 - 1$ $10 - 4 \dots 5$ $6 + 3 \dots 6 - 3$

Câu 7: Viết số thích hợp vào ô trống

	1				5				9	
--	---	--	--	--	---	--	--	--	---	--

		8						2		
--	--	---	--	--	--	--	--	---	--	--

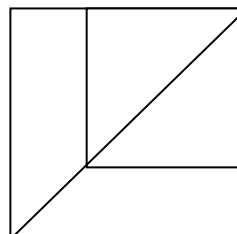
Câu 8: Tính:

$\begin{array}{r} 3 \\ + \\ 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 1 \\ + \\ 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ + \\ 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 10 \\ - \\ 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ + \\ 5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 10 \\ - \\ 2 \\ \hline \end{array}$
.....					

Câu 9 : Hình bên có:

- Có hình tam giác.

- Có hình vuông



Câu 10 : Số?

$5 + \dots = 8$

$\dots + 2 = 7$

$8 - \dots = 1$

$3 + \dots = 6$

$\dots - 3 = 5$

$\dots - 1 = 6$

$4 + \dots = 7$

$\dots - 4 = 8$

$\dots - 0 = 7$

ĐỀ 2**Câu 1. Tính**

$6 - 2 =$

$1 + 5 =$

$7 - 7 =$

$7 - 3 =$

$6 - 4 =$

$5 + 2 =$

$7 - 6 =$

$4 + 3 =$

$9 - 4 =$

$7 + 2 =$

$9 - 5 =$

$7 + 1 =$

$7 + 3 =$

$10 + 0 =$

$4 - 0 =$

$2 + 0 =$

$3 + 5 =$

$5 - 2 =$

$5 + 4 =$

$3 + 6 =$

$8 + 2 =$

$2 - 1 =$

$6 - 5 =$

$6 + 4 =$

$6 + 1 =$

Câu 2. Điền >, <, =

$5 \dots 6$

$10 \dots 15$

$3 \dots 3$

$18 \dots 13$

$4 \dots 0$

$5 \dots 5 + 2$

$12 \dots 14$

$9 \dots 9$

$10 \dots 8$

$5 + 3 \dots 6 - 2$

$8 - 3 \dots 5$

$4 + 4 \dots 6 + 3$

Câu 3. Viết phép tính thích hợp

a) Tổ 1 có : 5 bạn

b) Có : 8 quả cam

Tổ 2 có : 4 bạn

Cho : 2 quả cam

Cả hai tổ : ... bạn ?

Còn lại: ... quả cam ?

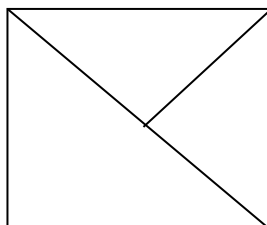
--	--	--	--	--

--	--	--	--	--

Câu 4. Hình bên có:

a) ... hình vuông

b) ... hình tam giác



Câu 5: Tính.

$9 + 0 = \dots$

$9 - 1 = \dots$

$7 + 3 = \dots$

$9 - 2 = \dots$

$5 + 5 = \dots$

$10 - 1 = \dots$

$6 + 3 = \dots$

$9 - 2 = \dots$

$7 + 2 = \dots$

$10 - 4 = \dots$

$5 + 4 = \dots$

$9 - 3 = \dots$

$3 + 6 = \dots$

$10 - 3 = \dots$

$8 + 2 = \dots$

$10 - 10 = \dots$

Câu 6 : Tính

$$\begin{array}{r} 3 \\ + \\ 7 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 3 \\ + \\ 6 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 2 \\ + \\ 7 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 4 \\ + \\ 6 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 9 \\ - \\ 5 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 10 \\ - \\ 2 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 9 \\ + \\ 1 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 8 \\ + \\ 2 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 5 \\ + \\ 5 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 10 \\ - \\ 3 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 9 \\ - \\ 8 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 10 \\ - \\ 10 \\ \hline \end{array}$$

.....

Câu 7: Viết các số 0, 9, 3, 6, 10:

Theo thứ tự từ bé đến lớn:.....

Theo thứ tự từ lớn đến bé:

Câu 8: Điền dấu >, <, = thích hợp vào chỗ chấm.

$3 - 1 \dots 2$

$5 - 1 \dots 3$

$4 - 1 \dots 2$

$5 - 4 \dots 0$

$4 - 2 \dots 2$

$5 - 4 \dots 1$

Câu 9: Viết phép tính thích hợp.

a. Có : 9 quả cam

Thêm : 1 quả cam

Có tất cả :..... quả cam?

b. Có : 10 cây bút

Cho bạn : 2 cây bút

Còn :cây bút ?

--	--	--	--	--

--	--	--	--	--

Câu 10:Tính.

$8 - 3 + 1 = \dots\dots$

$7 - 2 + 1 = \dots\dots$

$6 - 2 + 2 = \dots\dots$

$7 - 1 + 1 = \dots\dots$

$8 - 4 + 3 = \dots\dots$

$6 - 5 + 7 = \dots\dots$

ĐỀ 3**Bài 1. Thực hiện các phép tính sau:**

a.

$$\begin{array}{r} 10 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 9 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 8 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 10 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 10 \\ + 0 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 10 \\ - 0 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 6 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

b.

$5 + 5 = \dots$

$7 + 2 = \dots$

$8 + 2 = \dots$

$6 + 4 = \dots$

$9 - 1 = \dots$

$10 - 2 = \dots$

$4 + 6 = \dots$

$9 - 8 = \dots$

$10 - 8 = \dots$

Bài 2. Tính:

$4 + 1 + 5 = \dots$

$8 + 2 - 7 = \dots$

$9 + 0 - 5 = \dots$

$10 - 6 + 2 = \dots$

$10 - 5 - 3 = \dots$

$10 - 6 + 3 = \dots$

$8 - 2 + 4 = \dots$

$4 + 6 + 0 = \dots$

$10 + 0 - 2 = \dots$

Bài 3. Điền vào chỗ chấm:

$8 + \dots\dots = 10$

$10 - \dots\dots = 4$

$9 = \dots\dots + 4$

$10 - \dots\dots = 8$

$6 + \dots\dots = 10$

$4 = 8 - \dots\dots$

$\dots\dots + 3 = 9$

$9 - \dots\dots = 4$

$7 = \dots\dots + 3$

Bài 4. Điền dấu (> ; < ; =) vào ô trống:

$3 + 7 \dots\dots 10$

$9 \dots\dots 9 + 0$

$10 - 1 \dots\dots 1 + 9$

$4 + 3 \dots\dots 8$

$10 \dots\dots 9 + 1$

$8 - 6 \dots\dots 7 - 3$

$10 - 8 \dots\dots 2$

$8 \dots\dots 10 - 8$

$5 - 4 \dots\dots 10 - 6$

Bài 5. Điền dấu (+ , -) vào ô trống:

$4 \dots\dots 3 = 7$

$10 \dots\dots 6 = 4$

$3 \dots\dots 3 \dots\dots 3 = 3$

$6 \dots\dots 4 = 2$

$8 \dots\dots 3 = 5$

$5 \dots\dots 2 \dots\dots 3 = 4$

Bài 6. Khoanh tròn vào số lớn nhất:

a/ 3, 7, 5, 9, 8

b/ 1, 6, 8, 10, 2

Bài 7. Khoanh tròn vào số bé nhất:

a/ 6, 2, 10, 3, 1

b/ 9, 7, 0, 5, 4

Bài 8. Viết các số: 9, 5, 7, 3, 10

a/ Theo thứ tự từ bé đến lớn:

b/ Theo thứ tự từ lớn đến bé:

Bài 9. Viết phép tính thích hợp:

a/ Có: 8 con chim
Bay đi: 4 con chim.
Còn: con chim?

--	--	--	--	--

c/ Có: 8 quả bóng
Cho: 3 quả bóng
Còn: ... Quả bóng?

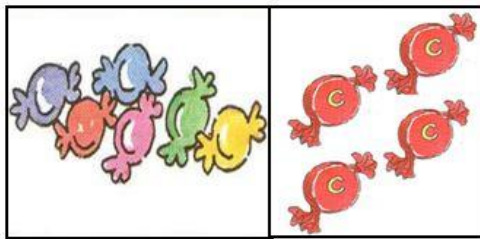
--	--	--	--	--

b/ Có: 5 con gà
Mua thêm: 4 con gà
Có tất cả: con gà?

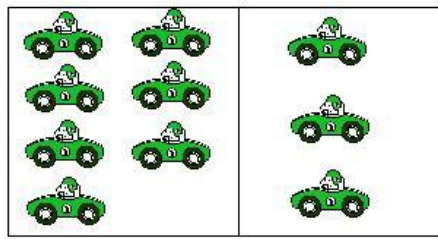
--	--	--	--	--

d/ Hà có: 5 nhãn vở
Lan có: 4 nhãn vở
Cả hai bạn: nhãn vở?

--	--	--	--	--

Bài 10. Nhìn tranh viết phép tính thích hợp:

--	--	--	--	--



--	--	--	--	--

Bài 11. Điền số và dấu để được phép tính đúng:

			=	7
--	--	--	---	---

			=	9
--	--	--	---	---

Bài 12. Điền số thích hợp vào chỗ:

$9 + 1 - 3 = \dots$

$10 - 4 - 2 = \dots$

$8 - 3 + 2 = \dots$

$5 + 4 - 3 = \dots$

$6 - 3 + 4 = \dots$

$10 - \dots = 7$

$\dots - 5 = 5$

$9 - \dots = 4$

$\dots + 3 = 7$

$7 - \dots = 0$

Bài 13. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào chỗ trống:

1 chục = 10 đơn vị ☐

1 đơn vị = 1 chục ☐

10 đơn vị = 1 chục ☐

10 đơn vị > 1 chục ☐

Bài 14. Điền dấu >; <; =

$9 \dots 4 + 4$

$5 + 2 \dots 3 + 5$

$8 \dots 10 - 3$

$6 + 2 \dots 5 + 4$

Bài 15. Tính

$9 - 3 - 3 = \dots$

$3 + 2 - 1 = \dots$

$5 + 3 + 2 = \dots$

$4 + 5 - 4 = \dots$

Bài 16. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống

$4 + 2 + 3 = 9 \quad \square$

$9 - 2 - 3 = 4 \quad \square$

$3 + 6 - 3 = 6 \quad \square$

$8 - 5 + 0 = 3 \quad \square$

Bài 17: Hình dưới là khối?

A. Khối hộp chữ nhật

B. Khối lập phương



Bài 18: Cho các số 44, 52, 27, 19. Hãy:

a) Sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn:

.....

b) Sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé:

.....

Bài 19:Viết các phép cộng có kết quả bằng 8 từ các số 1, 4, 6, 7, 2, 2,3 (theo mẫu):

Mẫu: $1 + 7 = 8$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 20: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Hình bên có:

....khối hình lập phương

.....khối hộp chữ nhật



Bài 21: *Điền* $> < =$

24 57

32 32

10 10

90 92

55 65

46 64

50 40

13 17

89 59

91 19

Bài 22:a) *Viết số bé hơn vào mỗi trang sách:*

b) Viết số lớn hơn vào mỗi trang sách:



